

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/DS-PT

Ngày: 29-3-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Phạm Thị Thanh Giang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên - Thư ký
Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Tây Ninh xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017
về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017
của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2017/QĐPT-DS ngày 31
tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T,
xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm
1985; địa chỉ cư trú: Số 192/4B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây
Ninh. (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 5 năm 2017); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Y; địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm
1971 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty là ông Nguyễn Duy
H – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Duy H – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây
Ninh; có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn – Công ty Y.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H, sinh năm 1995 (chết ngày 16/4/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1971; có mặt.

Bà Bùi Thị Thu A, sinh năm 1969; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 11, ấp 6, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2017 của nguyên đơn - bà Trần Thị S cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị S trình bày:

Ngày 09/12/2016, bà S có bán 03 xe mì cho Công ty Y (sau đây viết tắt là Công ty Y) với giá tổng cộng là 92.820.000 đồng. Khi bán đại diện Công ty Y có giao cho bà 03 phiếu cân số 71 số xe 2565 thành tiền là 31.820.000 đồng; phiếu cân số 32 số xe 2797 thành tiền là 24.610.000 đồng; phiếu cân số 24 số xe 2785 thành tiền là 36.390.000 đồng, người giao phiếu cân cho bà là anh Dương nhân viên của Công ty Y phụ trách cân xe. Sau đó anh Nguyễn Văn Phương (em Bà Y) sẽ là người cho giá mua và anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H nhân viên của Công ty Y phụ trách chi tiền có hẹn vài ngày sau sẽ trả số tiền trên. Đến hẹn bà đến gặp anh H để nhận tiền thì anh H thông báo với bà là đã trả tiền cho bà rồi nên các bên phát sinh tranh chấp. Nay bà yêu cầu Công ty trả cho bà số tiền 92.820.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 02 năm 2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của Công ty Y Bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Bà không biết bà Trần Thị S, giữa Công ty Y và bà S không có quan hệ mua bán với nhau, anh Nguyễn Văn Phương (em trai bà) không phải là nhân viên của Công ty, còn anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H là nhân viên của Công ty. Việc mua mì nguyên liệu cho Công ty sản xuất được giao cho nhiều người trong đó có anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H, Công ty sẽ xuất tiền giao cho anh H và anh H có trách nhiệm mua mì và giao tiền cho người bán mì. Việc bà S cho rằng anh H chưa trả tiền cho bà S thì bà S phải khởi kiện anh H, Công ty không có liên quan. Theo các phiếu cân ngày 09/12/2016, anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H cung cấp cho Công ty thì anh H đã nhận tiền từ Công ty và trả đủ tiền cho bà S. Nay, bà S yêu cầu Công ty Y trả số tiền 92.820.000 đồng, bà không đồng ý.

Lời khai của anh H ngày 14 tháng 02 năm 2017:

Anh là nhân viên Công ty Y không có ký hợp đồng lao động với công ty và hưởng lương mỗi tháng 3.500.000 đồng. Nhiệm vụ của anh là nhận tiền từ Công ty Y đi mua mì từ các lái mì. Địa điểm mua là cửa khẩu Chàng Riệc. Theo anh, bà S kiện Công ty Y là sai vì giữa Công ty Y và bà S không có giao dịch mua bán mì gì với nhau. Nếu bà S cho rằng chưa trả tiền mì thì phải kiện anh mới đúng. Đối với 03 phiếu cân ngày 09/12/2016 bà S tranh chấp, anh nhận tiền từ Công ty Y và đã đem lên thanh toán xong cho bà S. Khi môi giới mì đưa phiếu cân mì thì anh thanh toán tiền liền, giữ phiếu đem phiếu về tính tiền lại với Công ty Y và nếu có nợ lại anh ký nhận nợ phía sau phiếu. Chữ số ghi thành tiền trên 03 phiếu bà S cung cấp không phải chữ số do anh viết ra. Theo anh, phiếu hợp lệ là phiếu do anh tính tiền rõ ràng trên phiếu. Những phiếu cân bà S cung cấp là những phiếu bà S tự tính toán để tính tiền với người bán mì (chủ mì), anh không liên quan.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng – ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông là cha ruột của anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H, công việc của anh H làm công cho Công ty Y là hàng ngày nhận tiền của Công ty Y lên Chàng Riệc mua mì đem về giao cho công ty. Anh H bị điện giật chết vào ngày 16/4/2017. Bà S là người môi giới bán mì của người khác. Bà S là người cân mì ở trạm cân ông Liêm, trạm cân giao phiếu cho bà S, anh H trả tiền mì cho bà S thì bà S mới giao 03 phiếu cân cho anh H đem về nộp cho công ty. Ông cho rằng nếu nhưng anh H chưa trả tiền mì cho bà S thì bà S không giao phiếu cân mì cho anh H, nếu anh H chưa trả tiền cho bà S thì bà S phải buộc anh H ghi giấy nợ. Anh H đã nhận tiền của Công ty Y và có phiếu chi nhận tiền của Công ty, nếu bà S có giấy tờ gì cho rằng anh H chưa trả tiền cho bà S thì vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả thay cho anh H. Do phiếu cân bà S cung cấp không có chữ anh H ghi còn nợ nên vợ chồng ông không đồng ý trả tiền cho bà S.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng – bà Bùi Thị Thu A trình bày:
Thông nhất ý kiến ông A.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:*

Căn cứ vào Điều 93, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với Công ty Y về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc Công ty Y có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị S số tiền 92.820.000 (chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Ghi nhận bà S không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/7/2017, Công ty Y là bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không buộc Công ty có nghĩa vụ trả lại cho bà S số tiền 92.820.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty Y phát biểu:

Công ty Y không có mua bán với bà S mà chỉ thông qua người nhận tiền để mua mì. Theo hồ sơ và theo bà S trình bày: bà S có cân mì thông qua anh Phương, anh Dương để cân 03 xe mì. Mỗi xe mì xuất 03 phiếu cân; cụ thể: 01 phiếu đưa cho anh H thanh toán lại với Công ty Y, 02 còn lại 01 phiếu bà S giữ, 01 phiếu bà S thanh toán cho chủ mì. Nếu Anh H có nợ lại tiền thì phải ghi chữ “nợ” ở mặt sau phiếu cân.

Trong 03 phiếu cân tranh chấp không có bút tích gì thể hiện có chữ của anh H nên Công ty Y không có liên quan. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của bà S đối với Công ty Y.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty Y do Bà Nguyễn Thị Kim Y làm đại diện hợp pháp. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H là người nhận tiền của Công ty đi mua mì cho Công ty. Công ty Y cung cấp phiếu chi tiền do anh H ký nhận để trả tiền mì. Anh H cũng thừa nhận có nhận tiền của công ty đi mua mì nên anh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Cấp sơ thẩm có lấy lời khai anh H nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh H chết, cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh H tham gia tố tụng là thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm, cha mẹ anh H (ông A, bà A) đồng ý tham gia tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm đưa cha mẹ anh H (ông A, bà A) vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền nghĩa vụ của anh H. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về phần tố tụng này.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Ngọc Trường Sơn H là nhân viên của Công ty Y trả lương hàng tháng là 3.500.000 đồng. Công việc thường xuyên của anh

là ứng tiền của Công ty đi mua mì dùng làm nguyên liệu sản xuất bột mì, công ty xuất tiền giao cho anh H, anh H sẽ trả tiền cho người bán (BL 44). Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2017, anh H thừa nhận công việc mà công ty thỏa thuận giao cho anh là ứng tiền tại Công ty lên biên giới mua mì của các lái mì sau đó đem mì về cho công ty sản xuất bột mì. Do đó, phạm vi mà công ty ủy quyền cho anh H trong công việc là ứng tiền để trả tiền mì cho người bán và người môi giới mì.

[3] Bà S cho rằng ngày 09/12/2016, bà làm môi giới bán 03 xe mì cho anh H nhưng anh H chưa trả tiền mì cho bà đối với 03 phiếu cân số 24, 32, 71 với số tiền là 92.820.000 đồng nên bà tranh chấp. Anh H thừa nhận có mua mì của bà S nhưng anh H đã nhận tiền của công ty là phù hợp với phiếu chi ngày 09/12/2016 (BL 36) và đã trả tiền cho bà S (người môi giới) đối với giao dịch ngày 09/12/2016 xong. Bà Y đại diện Công ty cho rằng ngày 09/12/2016 Công ty có ứng tiền cho anh H mua mì ngày 09/12/2016, anh H có giao cho Công ty nhiều phiếu cân trong đó có 03 phiếu cân mì số 24,32,71 với giá trị thành tiền là 92.820.000 đồng, thấy rằng:

Bà S cho rằng nơi bà cân 03 xe mì ngày 09/12/2016 tranh chấp và xuất phiếu cân mì số 24, 32,71 là trạm cân của ông Liêm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nguyên Ngọc (còn gọi là trạm cân ông Liêm), giám đốc công ty cho rằng các phiếu cân do bà S khởi kiện công ty ở các bút lục 79,80, 81 và phiếu cân số 24,32,71 ngày 09/12/2016 (bút lục 34,35) mà công ty cung cấp là do Công ty ông xuất ra, thông thường thì khi cân mì một xe trạm cân của ông xuất ra 02 (hai) phiếu, trường hợp người bán mì (môi giới) yêu cầu in nhiều phiếu thì công ty vẫn in ra nhiều phiếu để giao cho người bán mì. Do đó, anh H cho rằng 03 phiếu cân số 24, 32,71 (bút lục 34,35) công ty cung cấp là của bà S giao cho anh H để anh H trả tiền mì cho bà S là có căn cứ.

[4] Mặc khác, những người môi giới mua bán mì với anh H cũng cho rằng khi thanh toán tiền mì, người bán (môi giới) đưa phiếu cân cho người mua mì thì lúc này anh H trực tiếp tính tiền trên phiếu cân và trả tiền mì rồi lấy phiếu cân, nếu như anh H chưa thanh toán thì anh H ghi phía sau mỗi phiếu chưa thanh toán là nợ lại và nếu có nợ thì cũng 02 hoặc 03 ngày trả; không có trường hợp chậm trả trên một tháng (BL 60, 61,62, 63, 64, 65). Do đó, các phiếu cân mì số 24, 32, 71 (BL 79, 80, 81) do bà S cung cấp tranh chấp với Công ty, anh H không trực tiếp tính tiền trên phiếu cân, cũng không ghi còn nợ.

[5] Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2017, bà S cho rằng anh H chưa trả tiền mì nên yêu cầu anh Dương ghi lại số tiền 03 phiếu cân ngày 09/12/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 02/10/2017 bà S cho rằng chữ số tính tiền trên 03 phiếu cân bà khởi kiện Công ty Y là của anh Dương (người làm công cho anh Phương) tính tiền cho bà nhưng chưa thanh toán tiền cho bà. Phía anh Dương không thừa nhận. Tại kết luận giám định số 100/GT.2017 ngày 05/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Tây Ninh kết luận chữ số tính thành tiền trên 03 phiếu cân số 24, 32, 71 tranh chấp mà bà S cung cấp không phải là do

anh Dương viết ra. Tại phiên tòa, bà S cho rằng chữ tính tiền trên 03 phiếu cân số 24,32,71 là chữ của anh Phương viết nhưng tại biên bản ngày 03/3/2017 anh Phương xác định chữ viết tính tiền trên 03 phiếu cân mà bà S cung cấp không phải của anh Phương (bút lục 57) viết ra. Do đó, không có căn cứ cho rằng 03 phiếu cân mà bà S cung cấp tại các bút lục 79, 80, 81 là 03 phiếu cân anh Dương hay anh Phương tính tiền nhưng anh H chưa giao tiền cho bà S.

[6] Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty Y cung cấp được chứng cứ chứng minh sau ngày 09/12/2016, phía bà S vẫn tiếp tục bán nhiều xe mì cho công ty đến ngày 04/01/2017 thì ngưng; bà S đã nhận đủ tiền các xe mì bán sau này nên việc bà S cho rằng anh H chưa trả cho bà 03 phiếu cân mì ngày 09/12/2016 mà vẫn tiếp tục bán các xe mì sau đó cho công ty là không có cơ sở.

[7] Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai bà S ngày 02/10/2017 (bút lục 146,147) bà S khẳng định bà không giao dịch với anh H mà chỉ mua bán với anh Phương, chỉ khi nào nhận tiền mới gặp anh H. Đại diện Công ty Y và anh Phương đều xác nhận anh Phương không phải là nhân viên của công ty.

[8] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S; có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sửa bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

[9] Về án phí : Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. bà Trần Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Y; sửa bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng vào Điều 144, Điều 146, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005: Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với Công ty Y về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị S phải chịu 4.641.000 đồng (bốn triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.320.500 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng) bà Trần Thị S

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0023897 ngày 06/02/2017. Bà Trần Thị S còn phải nộp tiếp số tiền 2.320.500 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

2.2 Án phí phúc thẩm dân sự:

Công ty Y không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện T hoàn trả lại cho Công ty Y số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị Lê Thị Tú Quyên đã nộp thay cho công ty Công ty Y theo biên lai thu số 0024424 ngày 11/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu TDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Vân

